**SINH LÍ ĐỘNG VẬT**

**HÔ HẤP Ở ĐỘNG VẬT.**

**Câu 1:** Sự thông khí ở phổi của loài lưỡng cư nhờ

A. Các cơ quan hô hấp làm thay đổi thể tích lồng ngực hoặc khoang bụng

B. Sự vận động của các chi.

C. Sự nâng lên và hạ xuống của thềm miệng.

D. Sự vận động của toàn bộ hệ cơ.

**Câu 2:** Vì sao cá lên cạn sẽ bị chết trong thời gian ngắn?

A. Vì diện tích trao đổi khí còn rất nhỏ và mang bị khô nên cá không hô hấp được.

B. Vì độ ẩm trên cạn thấp.

C. Vì nhiệt độ trên cạn cao.

D. Vì không hấp thu được O2 của không khí.

**Câu 3:** Sự thông khí ở phổi của bò sát, chim và thú chủ yếu nhờ

A. Sự vận động của toàn bộ hệ cơ.

B. Sự nâng lên và hạ xuống của thềm miệng.

C. Sự vận động của các chi.

D. Các cơ quan hô hấp làm thay đổi thể tích lồng ngực hoặc khoang bụng.

**Câu 4:**Vì sao ở cá, nước chảy từ miệng qua mang theo một chiều? A. Vì cửa miệng thềm miệng và nắp mang hoạt động nhịp nhàng. B. Vì nắp mang chỉ mở một chiều.

C. Vì quá trình thở ra và vào diễn ra đều đặn.

D. Vì cá bơi ngược dòng nước.

**Câu 5:** Ý nào dưới đây không đúng với sự trao đổi khí qua da của giun đất?

A. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tạo ra CO2 làm cho phân áp CO2 bên trong tế bào luôn cao hơn bên ngoài.

B. Quá trình khuếch tán O2 và CO2 qua da do có sự cân bằng về phân áp O2 và CO2.

C. Quá trình khuếch tán O2 và CO2 qua da do có sự chênh lệch về phân áp giữa O2 và CO2.

D. Quá trình chuyển hoá bên trong cơ thể luôn tiêu thụ O2 làm cho phân áp O2 trong cơ thể luôn bé hơn bên ngoài

**Câu 6:** Khi cá thở vào, diễn biến nào dưới đây đúng?

A. Thể tích khoang miệng giảm, áp suất trong khoang miệng giảm, nước tràn qua miệng vào khoang miệng.

B. Thể tích khoang miệng giảm, áp suất trong khoang miệng tăng,nước tràn qua miệng vào khoang miệng.

C. Thể tích khoang miệng tăng lên, áp suất trong khoang miệng giảm, nước tràn qua miệng vàokhoang miệng. D. Thể tích khoang miệng tăng lên, áp suất trong khoang miệng tăng, nước tràn qua miệng vào khoang miệng. **Câu 7:** Vì sao cá xương có thể lấy được hơn 80% lượng O2 của nước đi qua mang?

A. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song và ngược chiều với dòng nước.

B. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch xuyên ngang với dòng nước.

C. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song với dòng nước.

D. Vì dòng nước chảy một chiều qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch song song và cùng chiều với dòng nước.

**Câu 8:** Xếp các câu trả lời theo nồng độ giảm dần oxi từ cao đến thấp và chiều đi của máu:

A. Không khí thở vào, máu rời phổi đi, đến các mô tế bào. B. Đến các mô tế bào, không khí thở vào, máu rời phổi đi. C. Máu rời phổi đi, không khí thở vào, đến các mô tế bào. D. Không khí thở vào, đến các mô tế bào, máu rời phổi đi.

**Câu 9 *:*** Oxi khuếch tán trực tiếp từ không khí thông qua các bề mặt ẩm và tế bào không nhờ máu vận chuyển có ở

A. con chim sẻ. B. con kiến. C. con cá voi. D. con giun đất.

**Câu 10:** Khi bạn hít vào cơ hoành

A. giãn và hạ xuống. B. giãn và nâng lên. C. co và hạ xuống. D. co và nâng lên.

**Câu 11:** Động vật dơn bào hoặc đa bào bậc thấp hô hấp

A. bằng phổi B. bằng hệ thống ống khí C. bằng mang D. qua bề mặt cơ thể

**Câu 12:** Hô hấp ngoài là:

A. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí của các cơ quan hô hấp như phổi, da, mang…

B. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí chỉ ở phổi.

C. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí chỉ ở mang.

D. Quá trình trao đổi khí giữa cơ thể với môi trường sống thông qua bề mặt trao đổi khí ở bề mặt toàn cơ thể.

**Câu 13:** Các loại thân mềm và chân khớp sống trong nước có hình thức hô hấp như thế nào?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A. | Hô hấp bằng hệ thống ống khí. | C. Hô hấp qua bề mặt cơ thể. |
| B. | Hô hấp bằng mang. | D. Hô hấp bằng phổi. |

**Câu 14:**Vì sao nồng độ CO2 thở ra cao hơn so với hít vào phổi?

A. Vì một lượng CO2 còn lưu giữ trong phế nang.

B. Vì một lượng CO2 được dồn về phổi từ các cơ quan khác trong cơ thể.

C. Vì một lượng CO2 đã khuếch tán từ mao mạch phổi vào phế nang trước khi đi ra khỏi phổi.

D. Vì một lượng CO2 được thải ra trong hô hấp tế bào của phổi.

**Câu 15:** Ý nào dưới đây không đúng với đặc điểm của da giun đất thích ứng với sự trao đổi khí?

A. Da luôn ẩm giúp các khí dễ dàng khuếch tán qua.

B. Tỉ lệ giữa diện tích bề mặt cơ thể và thể tích cơ thể (S/V) khá lớn.

C. Dưới da có nhiều mao mạch và có sắc tố hô hấp.

D. Tỉ lệ giữa thể tích cơ thể và diện tích bề mặt cơ thể khá lớn.

**Câu 16:** Các hình thức hô hấp của động vật ở nước và ở cạn là:

A. Hô hấp qua bề mặt cơ thể, bằng hệ thống ống khí, bằng mang và bằng phổi.

B. Hô hấp qua da, hệ thống ống khí, bằng mang, phổi.

C. Hô hấp qua da, bằng mang, phổi.

D. Hệ thống ống khí, hô hấp bằng mang, phổi.

**Câu 17:** Khi thở ra, không khí qua các phần của đường hô hấp theo trật tự:

A. phế quản, các phế nang, khí quản, hầu, mũi. C. các phế nang, phế quản, khí quản, mũi, hầu. B. các phế nang, phế quản, khí quản, hầu, mũi D. các phế nang, khí quản, phế quản, hầu, mũi. **Câu 18:** Sự trao đổi khí với môi trường xung quanh ở côn trùng cá, lưỡng cư, bò sát, chim - thú được thực hiện như thế nào?

A. Trao đổi khí bằng hệ thống oxy khí (côn trùng); bằng mang (cá); bằng phổi (từ lưỡng cư đến thú).

B. Trao đổi khí bằng hệ thống ống dẫn (côn trùng); bằng mang (cá); bằng phổi và da ( từ lưỡng cư đến thú). C. Trao đổi khí bằng hệ thống ống dẫn (côn trùng), bằng mang ( cá); bằng phổi (lưỡng cư, bò sát, chim, thú). D. Trao đổi khí bằng: hệ thống oxy khí (côn trùng); bằng mang (cá); bằng da và phổi (lưỡng cư); bằng phổi (bò sát); bằng phổi và hệ thốn túi khí (chim).

**Câu 19:** Bề mặt trao đổi khí của chim, thú phát triển hơn của lưỡng cư và bò sát vì:

I. Chim - thú là động vật hằng nhiệt.

II. Chim - thú hoạt động tích cực nên nhu cầu về năng lượng cao. III. Nhu cầu trao đổi khí ở chim và thú cao hơn lưỡng cư và bò sát

IV. Chim - thú có cấu tạo cơ quan phổi hoàn thiện nhất trong giới động vật.

A. II, III, IV. B. I, III, IV. C. I, II, III. D. I, II, IV.

**Câu 20:** Sự trao đổi khí với môi trường xung quanh ở động vật đơn bào và động vật đa bào có tổ chức thấp được thực hiện như thế nào?

I. Động vật đơn bào trao đổi khí qua màng tế bào, động vật đa bào có tổ chức thấp, trao đổi khí qua bề mặt cơ thể.

II. Khí O2 khuếch tán vào và khí CO2 khuếch tán ra khỏi cơ thể do có sự chênh lệch về phân áp O2 và CO2 giữa

trong và ngoài cơ thể.

III. Cấu tạo cơ quan hô hấp đơn giản nên sự trao đổi khí diễn ra qua lỗ thở.

IV. Động vật đơn bào trao đổi khí qua không bào, động vật đa bào có tổ chức thấp trao đổi khí qua da.

A. I, IV. B. II, III. C. II, IV. D. I, II

**Câu 21:** Ý nào dưới đây không đúng với hiệu quả trao đổi khí ở động vật?

A. Có sự lưu thông khí tạo ra sự chênh lệch về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

B. Có sự lưu thông khí tạo ra sự cân bằng về nồng độ khí O2 và CO2 để các khí đó khuếch tán qua bề mặt trao đổi khí.

C. Bề mặt trao đổi khí rộng và có nhiều mao mạch và máu có sắc tố hô hấp.

D. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm ướt giúp O2 và CO 2 dễ dàng khuếch tán qua.

**Câu 22:** Côn trùng hô hấp

A. bằng mang. B. bằng phổi. C. qua bề mặt cơ thể. D. bằng hệ thống ống khí.

**Câu 23:** Ý không đúng khi giải thích vì sao da giun đất đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí của cơ thể là:

A. Da luôn ẩm ướt giúp các chất khí dễ dàng khuếch tán qua.

B. Tỉ lệ giữa diện tích bề mặt cơ thể và thể tích cơ thể (tỉ lệ S/V) khá lớn. C. Các tế bào tiếp xúc trực tiếp với không khí thông qua hệ thống ống khí. D. Dưới lớp da có nhiều mao mạch và có sắc tố hô hấp.

**Câu 24:** Cơ quan hô hấp của nhóm động vật nào dưới đây trao đổi khí hiệu quả nhất?

A. Phổi của động vật có vú. C. Da của giun đất.

B. Phổi của bò sát. D. Phổi và da của ếch nhái.

**Câu 25:** Nếu bắt giun đất để lên mặt đất khô ráo giun sẽ nhanh chết vì:

A. Ở mặt đất khô nồng độ O2 ở cạn cao hơn ở nước nên giun không hô hấp được.

B. Khi da giun bị khô thì O2 và CO2 không khuếch tán qua da được (tức là giun không hô hấp được nên bị chết).

C. Khi sống ở mặt đất khô ráo da giun bị ánh nắng chiếu vào hơi nước trong cơ thể giun thoát ra ngoài =>

giun nhanh chết vì thiếu nước.

D. Thay đổi môi trường sống, giun là động vật đa bào bậc thấp không thích nghi được.

**Tiêu hóa ở động vật.**

**Câu 1:** Sự khác nhau cơ bản về quá trình tiêu hóa thức ăn của thú ăn thịt và ăn thực vật là:

I. Thú ăn thịt xé thịt và nuốt, thú ăn thực vật nhai, nghiền nát thức ăn, một số loài nhai lại thức ăn.

II. Thú ăn thịt tiêu hóa chủ yếu ở dạ dày nhờ enzim pepsin, thú ăn thực vật tiêu hóa chủ yếu ở ruột non nhờ enzim xenlualara.

III. Thú ăn thực vật nhai kĩ hoặc nhai lại thức ăn, vi sinh vật cộng sinh trong dạ cỏ và manh tràng tham gia vào tiêu hóa thức ăn.

IV. Thú ăn thịt manh trang không có chức năng tiêu hóa thức ăn.

A. I, III. B. I, II, IV. C. II, III, IV. D. II, IV.

**Câu 2:** Trật tự tiêu hóa thức ăn trong dạ dày ở trâu như thế nào?

A. Dạ cỏ → Dạ tổ ong → Dạ lá sách → Dạ múi khế. C. Dạ cỏ → Dạ lá lách → Dạ tổ ong → Dạ múi khế.

B. Dạ cỏ → Dạ múi khế → Dạ tổ ong → Dạ lá sách. D. Dạ cỏ → Dạ

múi khế → Dạ lá sách → Dạ tổ ong.

**Câu 3:** Sự tiêu hóa thức ăn ở dạ múi khế diễn ra như thế nào?

A. Tiết pepsin và HCl để tiêu hóa prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

B. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.

C. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật cộng sinh phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzim tiêu hóa xenllulôzơ.

D. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai kĩ lại.

**Câu 4:** Chọn câu trả lời đúng khi nói về tiêu hóa xenlulôzơ. Trong ống tiêu hóa của động vật nhai lại, thành xenlulôzơ của tế bào thực vật.

A. Không được tiêu hóa nhưng được phá vỡ ra nhờ co bóp mạnh của dạ dày.

B. Được tiêu hóa hóa học nhờ các enzim tiết ra từ ông tiếu hóa.

C. Được tiêu hóa nhờ vi sinh vật cộng sinh trong manh tràng và dạ dày

D. Được nước bọt thủy phân thành các thành phần đơn giản.

**Câu 5:** Đặc điểm tiêu hóa của thú ăn thịt là

A. chỉ nuốt thức ăn. C. vừa nhai vừa xé nhỏ thức ăn.

B. nhai thức ăn trước khi nuốt. D. dùng răng xé nhỏ thức ăn rồi nuốt.

**Câu 6:** Thú ăn thực vật thường phải ăn số lượng thức ăn rất lớn vì:

A. Thức ăn nghèo chất dinh dưỡng và khó tiêu hóa nên phải ăn số lượng thức ăn lớn mới đáp ứng được nhu cầu cơ thể.

B. Cơ thể động vật ăn thực vật thường lớn, dạ dày to.

C. Thành phần thức ăn chủ yếu là xenlulô khó tiêu hóa.

D. Thức ăn nghèo chất dinh dưỡng, nhiều các vitamin.

**Câu 7 *:*** Chất dinh dưỡng được hấp thụ vào tế bào lông ruột của ruột non bằng cơ chế nào?

A. Khuếch tán thụ động và vận tải tích cực

B. Chủ yếu là hình thức khuếch tán

C. Nước và khoáng theo hình thức khuếch tán, còn chất hữu cơ theo con đường vận chuyển chủ động tích cực

D. Khuếch tán chủ động và vận chuyển thụ động

**Câu 8:** Cho những chất sau:

Vitamin, Nước,Glucôzơ,Tinh bột, Axitamin, Lipit

Số chất được biến đổi qua hoạt động tiêu hóa là:

A. 2 B. 4 C. 3 D. 1

**Câu 9:** Cho các phát biểu sau:

I. Động vật có túi tiêu hóa có thể ăn được nguyên cả con mồi

II. Trùng Amip phải nhờ enzim của lizoxom phân giải thức ăn

III. Động vật không có cơ quan tiêu hóa thì không tiêu hóa ngoại bào IV. Sứa có thể tiêu hóa cơ học nhờ sự co bóp của thành túi tiêu hóa Số phát biểu có nội dung đúng là

A. 3 B. 1 C. 2 D. 4

**Câu 10:** Vai trò của vi sinh vật cộng sinh đối với động vật nhai lại?

1. Vi sinh vật cộng sinh trong dạ cỏ và manh tràng tiết enzim xenlulaza tiêu hóa xenlulozơ, tiêu hóa các

chất hữu cơ khác trong tế bào thực vật thành chất đơn giản.

2. Vi sinh vật cộng sinh giúp động vật nhai lại tiêu hóa prôtêin và lipit trong dạ múi khế

3. Vi sinh vật cộng sinh bị tiêu hóa trong dạ múi khế và ruột non, trở thành nguồn cung cấp prôtêin quan

trọng cho động vật nhai lại.

Số phương án đúng là

A. 0 B. 3 C. 1 D. 2

**Câu 11 *:*** Tại sao người bị phẫu thuật cắt 2/3 dạ dày, vẫn xảy ra quá tình biến đổi thức ăn?

A. Cả (1), (2), (3) đều đúng.

B. Vì ruột chứa hai loại dịch tiêu hóa quan trọng là dịch tụy và dịch ruột. (2)

C. Vì ruột là cơ quan tiêu hóa chủ yếu. (1)

D. Vì dịch tụy và dịch ruột có đầy đủ các enzim mạnh để tiêu hóa gluxit, lipit, và prôtit. (3)

**Câu 12:** Ruột non có các hình thức cử động cơ học nào:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| I. Cử động co thắt từng phần | II. Cử động quả lắc | III. Cử động nhu động | IV. Cử động phản nhu |
| động |  |  |  |
| A. I, III | B. I, II, III, IV | C. II, III, IV | D. I, II, III |

**Câu 13:** Dạ dày ở những động vật ăn thực vật nào có một ngăn? A. Trâu, bò, cừu, dê. C. Ngựa, thỏ, chuột, trâu, bò. B. Ngựa, thỏ, chuột, cừu, dê. D. Ngựa, thỏ, chuột.

**Câu 14:** Sự tiến hóa của các hình thức tiêu hóa diễn ra theo hướng nào?

A. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa ngoại bào. B. Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào. C. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào. D. Tiêu hóa ngoại bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào.

**Câu 15:** Trâu bò chỉ ăn cỏ nhưng trong máu của các loài động vật có àm lượng axit amin rất cao.

Nguyên nhân là vì

A. ruột của trâu, bò không hấp thụ axit amin.

B. trong dạ dày trâu, bò có vi sinh vật chuyển hóa đường thành axit amin và protein.

C. trâu, bò có dạ dày túi nên tổng hợp tất cả các axit amin cho riêng mình.

D. cỏ có hàm lượng protein và axit amin rất cao.

**Câu 16:** Sự khác nhau giữa tiêu hóa nội bào và tiêu hóa ngoại bào là:

I. Tiêu hóa nội bào là sự tiêu hóa xảy ra bên trong tế bào

II. Tiêu hóa nội bào là sự tiêu hóa thức ăn xảy ra bên trong của tế bào. Thức ăn được tiêu hóa hóa học trong không bào tiêu hóa nhờ hệ thống enzim do lizôxôm cung cấp

III. Tiêu hóa ngoại bào là tiêu hóa thức ăn ở bên ngoài tế bào, thức ăn có thể được tiêu hóa hóa học trong túi tiêu hóa hoặc được tiêu hóa cả về mặt cơ học và hóa học trong ống tiêu hóa

IV. Tiêu hóa ngoại bào là sự tiêu hóa xảy ra bên ngoài tế bào ở các loài động vật bậc cao.

A. II, IV. B. I, III. C. II, III. D. I, IV.

**Câu 17:** Trong mề gà (dạ dày của gà) thường có những hạt sỏi nhỏ. Chức năng của các viên sỏi nhỏ này là để

A. giảm hiệu quả tiêu hóa hóa học. C. tăng hiệu quả tiêu hóa cơ học.

**Câu 18:** Ở động vật đơn bào, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức

A. túi tiêu hóa. C. tiêu hóa nội bào.

B. tiêu hóa ngoại bào D. tiêu hóa ngoại bào và nội bào.

**Câu 19:** Ở động vật có ống tiêu hóa, quá trình tiêu hóa hóa học diễn ra chủ yếu ở cơ quan

A. thực quản. B. ruột già. C. ruột non. D. dạ dày.

**Câu 20:** Tiêu hóa hóa học trong ống tiêu hóa ở người diễn ra ở :

A. Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già. C. Chỉ diễn ra ở dạ dày.

B. Miệng, dạ dày, ruột non. D. Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non.

**Câu 21:** Quá trình tiêu hóa ở động vật có túi tiêu hóa chủ yếu diễn ra như thế nào?

A. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào nhờ sự co bóp của khoang túi mà chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản.

B. Thức ăn được tiêu hóa nội bào nhờ enzim thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

C. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào nhờ (enzim thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang túi) và nội bào.

D. Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào nhờ enzim thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong khoang

túi.

**Câu 22:** Điểm khác nhau giữa quá trình tiêu hoá ở Trùng giày và quá trình tiêu hoá ở Thuỷ tức:

A. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hoá trong không bào tiêu hoá - tiêu hoá nội bào. Ở Thuỷ tức, thức ăn được tiêu hoá trong túi tiêu hoá thành những phần nhỏ rồi tiếp tục được tiêu hoá nội bào.

B. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hoá ngoại bào rồi trao đổi qua màng vào cơ thể. Ở Thuỷ tức, thức ăn được tiêu hoá nội bào thành các chất đơn giản, dễ sử dụng.

C. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hoá ngoại bào thành các chất đơn giản hơn rồi tiếp tục được tiêu hoá nội bào. Ở Thuỷ tức, thức ăn được tiêu hoá trong túi tiêu hoá thành những chất đơn giản, dễ sử dụng.

D. Ở Trùng giày, thức ăn được tiêu hoá trong túi tiêu hoá thành những phần nhỏ rồi tiếp tục được tiêu hoá nội bào. Ở Thuỷ tức, thức ăn được tiêu hoá trong không bào tiêu hoá - tiêu hoá nội bào.

**Câu 23:** Điều nào sau đây là **không** đúng khi nói tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa là tiêu hóa ngoại

bào?

A. Quá trình biến đổi thức ăn xảy ra ở ống tiêu hóa và ở cả trong tế bào thì mới tạo đủ năng lượng.

B. Quá trình biến đổi thức ăn xảy ra ở ống tiêu hóa (không xảy ra bên trong tế bào).

C. Khi qua ống tiêu hóa thức ăn được biến đổi cơ học và hóa học.

D. Thức ăn trong ống tiêu hóa theo 1 chiều.

**Câu 24:** Quá trình tiêu hoá thức ăn trong túi tiêu hoá là:

A. Tế bào trên thành túi tiết enzym vào khoang tiêu hoá để tiêu hoá thức ăn thành các chất đơn giản. B. Tế bào trên thành túi tiết enzym tiêu hoá ngoại bào sau đó các chất dinh dưỡng tiêu hoá dang dở tiếp tục được tiêu hoá nội bào.

C. Thức ăn được đưa vào từng tế bào của cơ thể rồi tiết enzym tiêu hoá nội bào.

D. Thức ăn được tiêu hoá nội bào rồi tiếp tục được tiêu hoá ngoại bào.

**Câu 25:** Những ưu điểm của tiêu hóa thức ăn trong ống tiêu hóa so với trong túi tiêu hóa:

I. Thức ăn đi theo 1 chiều trong ống tiêu hóa không bị trộn lẫn với chất thải (phân) còn thức ăn trong túi tiêu hóa bị trộn lẫn chất thải.

II. Trong ống tiêu hóa dịch tiêu hóa không bị hòa loãng

III. Thức ăn đi theo 1 chiều nên hình thành các bộ phận chuyên hóa, thực hiện các chức năng khác nhau:

tiêu hóa cơ học, hóa học, hấp thụ thức ăn

IV. Thức ăn đi qua ống tiêu hóa được biến đổi cơ học trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.

A. I, III, IV. B. II, III, IV. C. I, II, III. D. I, II, IV.

**Câu 26:** Ở người thức ăn vào miệng rồi lần lượt qua các bộ phận:

A. Miệng → Thực quản → Ruột non → Ruột già → Dạ dày B. Miệng → Thực quản → Dạ dày → Ruột non → Ruột già C. Miệng → Dạ dày → Thực quản → Ruột non → Ruột già D. Miệng → Thực quản → Ruột non → Dạ dày → Ruột già

**Câu 27:** Tiêu hóa là quá trình

A. biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng và tạo ra năng lượng ATP.

B. biến đổi các chất đơn giản thành các chất phức tạp đặc trưng cho cơ thể.

C. biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

D. làm thay đổi thức ăn thành các chất hữu cơ.